TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/DS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Ông Triệu Láth

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Gia An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2023/TLST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Đại H, sinh năm 1973 – Chủ hộ Kinh doanh Tân Quang M**. Địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Trần Diễm M**, sinh năm 1996. Địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Mai Thị N**, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp L, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2023 của nguyên đơn ông Trần Đại H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014, ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản mang nhãn hiệu Việt Hoa, các loại thuốc và hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm với bà Mai Thị N, đến ngày 28/01/2019 thì hai bên tiến hành lập hợp đồng mua bán bằng văn bản. Hợp đồng có giá trị 01 năm, hiệu lực từ ngày 28/01/2019 đến 28/01/2020.

Ông H và bà N thống nhất thỏa thuận: Theo hợp đồng, Ông H có nghĩa vụ cung cấp các mặt hàng thức ăn, thuốc và hóa chất phục vụ nuôi tôm mà Ông H kinh doanh thông qua nhân viên của Ông H (kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm). Hàng hóa do bà N đến lấy hoặc người nhà của bà N đến cửa hàng lấy trực tiếp theo đơn đặt hàng của bà N, sau khi nhận hàng phải tiến hành kiểm tra về số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá sau khi đúng yêu cầu thì ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng. Giá bán được niêm yết từng loại sản phẩm tại cửa hàng (giá bán theo từng thời điểm khác nhau tùy theo giá thị trường) hoặc thông báo trực tiếp với bà N từng sản phẩm ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Phương thức thanh toán được thỏa thuận chậm nhất là vào ngày cuối cùng của vụ tôm, nếu không thanh toán hết công nợ thì tùy trường hợp bên Ông H có quyền ngừng giao hàng. Trường hợp nuôi thất tôm vẫn phải thanh toán công nợ vào cuối vụ. Ông H có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bà N vi phạm hợp đồng hoặc không thanh toán hết công nợ.

Hai bên ngưng giao dịch kể từ ngày 24/6/2019. Khi đó công nợ bà N nợ lại là 274.535.000 đồng. Đến ngày 15/01/2020 hai bên tiến hành đối chiếu lại công nợ và trừ những khoản tiền bà N đã gửi trả trước đó, khi đó công nợ còn lại là 239.535.000 đồng, sau đó bà N có thanh toán cho Ông H được 7.000.000 đồng, số tiền còn lại là 232.535.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà N còn nợ lại Ông H số tiền là 232.535.000 đồng.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Mai Thị N trả cho Ông H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu là 232.535.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Mai Thị N trình bày:

Bà thống nhất xác định tổng số tiền đã mua thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm còn thiếu của nguyên đơn ông Trần Đại H tính đến thời điểm hiện nay là 232.535.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Tuy nhiên, số tiền trên không phải là bà thiếu một lần, mà qua mỗi vụ thu tôm, bà thanh toán cho Ông H một phần và phần còn lại thì bà còn nợ lại. Hiện nay, do hoàn cảnh khó khăn, nuôi tôm thất nhiều vụ nên bà không có khả năng trả dứt điểm số nợ trên một lần, bà xin đến cuối năm 2023 bà sẽ thanh toán cho Ông H số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại mỗi tháng bà sẽ thanh toán cho Ông H 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn không đồng ý theo phương án của bị đơn bà N đưa ra và yêu cầu bà N thanh toán dứt điểm khoản nợ trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại ấp L, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp

hợp đồng mua bán tài sản" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2019, nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M có thỏa thuận bán thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm cho bị đơn bà Mai Thị N. Khi kết toán lại, bà N còn nợ Ông H số tiền 239.535.000 đồng và hai bên có ký đối chiếu xác nhận nợ với nhau, sau đó bà bà N có thanh toán cho Ông H được 7.000.000 đồng, số tiền còn lại 232.535.000 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn bà N thừa nhận tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà còn nợ Ông H số tiền 232.535.000 đồng. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 15/01/2020, bà Mai còn nợ Ông H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 239.535.000 đồng, sau đó bà N đã thanh toán cho Ông H được 7.000.000 đồng, số tiền còn lại là 232.535.000 đồng. Sau thời điểm nêu trên, Ông H đã đến gặp bà N để yêu cầu thanh toán số tiền nợ thức ăn còn thiếu. Nhưng cho đến nay bà N vẫn chưa thanh toán cho Ông H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [3] và [4], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Mai Thị N trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn thiếu 232.535.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn bà Mai Thị N có trách nhiệm trả số tiền nêu trên cho Ông H là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị đơn bà Mai Thị N phải trả lãi suất cho Ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M, về việc yêu cầu bị đơn bà Mai Thị N trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 232.535.000 đồng.

- Buộc bị đơn bà Mai Thị N thanh toán số tiền 232.535.000 đồng (*Hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) cho ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị đơn bà N phải trả lãi suất cho Ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Mai Thị N phải chịu số tiền 11.626.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.959.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007844 ngày 21/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua